

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tập.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐST- HNGĐ ngày 30/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 39, khu 11, phường A, thành phố B, Quảng Ninh. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Hồng P, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 39, khu 11, phường A, thành phố B, Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị L và anh Trịnh Hồng P kết hôn tự nguyện kết hôn với nhau năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, chị L và anh P về chung sống cùng nhau tại tổ 39, khu 11, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh P. Trong quá trình chung sống, chị L và anh P có 02 con chung là Trịnh Lê Th, sinh ngày 19/7/2005 và Trịnh Lê Công B, sinh ngày 13/4/2013. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng. Về vay nợ chung: Chị L, anh P trình bày vợ chồng không vay nợ chung.

Quan điểm của nguyên đơn chị Lê Thị L: Vợ chồng chung sống được hai năm hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống anh Phong vi phạm pháp luật và phải đi cải tạo ba lần. Trong những lần anh P đi cải tạo chị L đã cố gắng ở nhà làm ăn nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, sau khi đi chấp hành án về anh P vẫn không thay đổi tính cách, mãi chơi, sống không chung thủy với chị L và không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên không có nhà. Bản thân chị L đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P không nghe. Vợ chồng chị L, anh P đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay, chị L đề nghị được ly hôn với anh P. Cùng với yêu cầu được ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trịnh Lê Th, sinh ngày 19/7/2005 và Trịnh Lê Công B, sinh ngày 13/4/2013. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị L thay đổi quan điểm về con chung. Chị L có quan điểm nếu anh P có nguyện vọng nuôi con, chị L đề nghị được nuôi cháu Trịnh Lê Công B, anh Phong nuôi cháu Trịnh Lê Th, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bị đơn anh Trịnh Hồng P: Vợ chồng chung sống được mười ba năm hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P đi làm ăn nên thường đi sớm về khuya nhưng chị L lại cho rằng anh P ngoại tình. Thêm vào đó chị L và anh P có một số sở thích và tính cách trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Đến nay, anh P nhận thấy tình cảm giữa anh P và chị L không còn, anh P đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung: Anh P và chị L có 02 con chung là Trịnh Lê Th, sinh ngày 19/7/2005 và Trịnh Lê Công B, sinh ngày 13/4/2013. Anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng đối với mỗi con chung. Về tài sản chung: Anh P yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là căn nhà xây dựng trên thửa đất của mẹ đẻ chị Lê Thị L có trị giá là 340.000.000đ (ba trăm bốn mươi triệu đồng) và số tiền nguyên vật liệu xây nhà anh P đã trả là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Tổng trị giá tài sản là 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia các phiên hòa giải tuy nhiên anh Phong vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - chị Trịnh Thị D (là chị gái ruột của anh P) cung cấp sự việc: Anh P và chị L kết hôn năm 2005. Trong quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P (em ruột của chị D) bị đi cải tạo chấp hành án 03 lần. Khi ra tù từ năm 2016 đến nay không tu chí làm ăn, không chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay, chị L đề nghị ly hôn chị D đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của chị L.

Tại biên bản xác minh ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - ông Vũ Minh H - Trưởng khu 11, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: Anh P và chị L là công dân cư trú tại tổ 39, khu 11, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình anh P, chị L chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P thường xuyên phải đi chấp hành án phạt tù. Khi về địa phương không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Nay, chị L gửi đơn xin ly hôn anh P, ông H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chị Lê Thị L đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Trịnh Hồng P không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ chấp nhận cho chị L được ly hôn anh P. Đề nghị HĐXX giao con chung Trịnh Lê Th, sinh ngày 19/7/2005 cho anh Trịnh Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Trịnh Lê Công B, sinh ngày 13/4/2013 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trịnh Hồng P, chị Lê Thị L đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Trịnh Hồng P và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Trịnh Hồng P có nơi cư trú tại tổ 39, khu 11, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trịnh Hồng P từ năm 2005 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. HĐXX xét thấy để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, phải thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị L và anh P phát sinh mâu thuẫn do anh P thường xuyên mải chơi, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị L đề nghị ly hôn, anh P cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị L. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh P đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung là Trịnh Lê Th, sinh ngày 19/7/2005 và Trịnh Lê Công B, sinh ngày 13/4/2013. Chị L có nguyện vọng nuôi cháu Trịnh Lê Công B, anh P nuôi cháu Trịnh Lê Th. Còn anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi

đường 02 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần để hòa giải về quan hệ hôn nhân và về con chung nhưng anh P vẫn vắng mặt. Xét nguyện vọng nuôi con của hai bên thì thấy: Chị L và anh P có 02 con chung, anh P và chị L đều có đủ điều kiện để nuôi con. Xét thấy, cháu Trịnh Lê Công B còn nhỏ sinh năm 2013 nên cần sự chăm sóc của mẹ. Tòa án giao con chung là Trịnh Lê Th cho anh Trịnh Hồng P được trực tiếp nuôi dưỡng và Trịnh Lê Công B cho chị Lê Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Hồng P là bị đơn trong vụ án có yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là căn nhà xây dựng trên thửa đất của mẹ để chị L có trị giá 340.000.000đ (ba trăm bốn mươi triệu đồng) và số tiền nguyên vật liệu xây nhà anh P đã trả là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Tổng trị giá tài sản là 410.000.000đ (bốn trăm mười triệu đồng). Ngày 26/02/2018, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 52/TB - TA để anh P đi nộp tạm ứng án phí. Tuy nhiên, hết thời hạn theo như thông báo anh P không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên Tòa án không giải quyết yêu cầu của anh P theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

-Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L.

Tuyên xử:

1. Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Trịnh Hồng P.

2. Về con chung:

Giao con chung Trịnh Lê Th, sinh ngày 19/7/2005 cho anh Trịnh Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Giao con chung Trịnh Lê Công B, sinh ngày 13/4/2013 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trịnh Hồng P, chị Lê Thị L đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nếu có yêu cầu, theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000253 ngày 28/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 07 tháng 5 năm 2018.

Vắng mặt bị đơn anh Trịnh Hồng P, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- UBND phường Quang Trung (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải